

Số: 262/TB-PHĐHLN-ĐT

Đồng Nai, ngày 10 tháng 12 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc xét điều kiện làm Khóa luận tốt nghiệp lớp đại học LTTC khóa K8B ngành Khoa học môi trường, ngành Quản lý tài nguyên rừng và sinh viên lớp ghép hệ Chính quy

Căn cứ Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng xét điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp của lớp đại học LTTC khóa K8B ngành Khoa học môi trường, ngành Quản lý tài nguyên rừng và sinh viên lớp ghép hệ Chính quy;

Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp thông báo kết luận của Hội đồng xét điều kiện làm Khóa luận tốt nghiệp bậc Đại học hệ Chính quy như sau:

1. Đồng ý cho 33 sinh viên lớp đại học liên thông trung cấp khóa K8B ngành Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên rừng và sinh viên lớp ghép hệ chính quy đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp (có danh sách kèm theo).

2. Có 25 sinh viên chưa đủ điều kiện để làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có tên trong danh sách này phải đăng ký học trả nợ các học phần còn thiếu, nhà trường sẽ tổ chức cho các sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp trong khoảng thời gian phù hợp (có danh sách kèm theo).

Đề nghị các phòng, các Khoa TN & MT, Khoa Lâm học, Khoa Kinh tế, Giáo viên chủ nhiệm lớp và sinh viên có liên quan nghiêm túc thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Khoa chuyên môn;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- Học sinh;
- Lưu ĐT, VT.

HS



Mai Hải Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
LỚP K8B_LTTC_KHMT_CQ, K8B_LTTC_QLTNR_CQ; K7B_LTTC_QLĐĐ_CQ VÀ SINH VIÊN LỚP GHEP

(Kèm theo Thông báo số: 262 /TB-PHDHLN-ĐT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Phân hiệu trường đại học Lâm nghiệp)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Số TC nợ	% TC nợ
K8B_LT_KHMT_CQ								
1	17B440301002	Nguyễn Vũ Thảo Nhật Hạ	K8B_LT_KHMT_CQ	125	7,22	2,91	0	0%
2	17B440301004	Nguyễn Hoàng Phụng Kiều	K8B_LT_KHMT_CQ	125	7,06	2,8	0	0%
3	17B440301007	Võ Thị Thu Thảo	K8B_LT_KHMT_CQ	125	7,55	3,16	0	0%
4	17B440301008	Bá Nguyễn Anh Thư	K8B_LT_KHMT_CQ	125	7,16	2,85	0	0%
5	17B440301010	Đỗ Tấn Trung	K8B_LT_KHMT_CQ	125	6,81	2,62	0	0%
K8B_LT_KT_CQ_CS2								
1	17B340301095	Phạm Thị Linh	K8B_LT_KT_CQ_CS2	127	7,15	2,9	0	0%
2	17B340301175	Nguyễn Thị Bích Phượng	K8B_LT_KT_CQ_CS2	144	6,69	2,66	6	4.3%
K8B_LT_QLTNR_CQ								
1	17B620211103	Đoàn Đức Bình	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,64	3,17	0	0%
2	17B620211104	Hoàng Thanh Bình	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,27	2,93	0	0%



3	17B620211120	Nguyễn Lê Quốc Huy	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	6,79	2,62	0	0%
4	17B620211119	Lưu Thị Thiên Hương	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,9	3,33	0	0%
5	17B620211122	Hà Trung Kiên	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,22	2,92	0	0%
6	17B620211127	Trần Giang Nam	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,02	2,79	0	0%
7	17B620211135	Nông Văn Thanh	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,04	2,83	0	0%
8	17B620211139	Lê Thị Diễm Thoa	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,35	2,98	0	0%
9	17B620211140	Nguyễn Đức Thuận	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,11	2,83	0	0%
10	17B620211142	Trần Quốc Tĩnh	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,36	3	0	0%
11	17B620211145	Nào Ngọc Ven	K8B_LT_QLTNR_CQ	130	7,06	2,79	0	0%

K7B_LT_KT_CQ

1	17B340301003	Lê Văn Huân	K7B_LT_KT_CQ	130	6,18	2,23	0	0%
2	17B340301009	Nguyễn Thị Hiếu Mi	K7B_LT_KT_CQ	127	7,4	3,06	0	0%
3	17B340301011	Dương Thị Nga	K7B_LT_KT_CQ	125	6,96	2,74	0	0%
4	17B340301014	Trần Thị Kim Oanh	K7B_LT_KT_CQ	126	7,08	2,88	2	1.4%
5	17B340301018	Nguyễn Xuân Thành	K7B_LT_KT_CQ	124	6,08	2,17	0	0%
6	17B340301023	Nguyễn Thị Xoan	K7B_LT_KT_CQ	125	7,68	3,19	0	0%
7	17B340301020	Nguyễn Thị Lệ Trà	K7B_LT_KT_CQ	131	7,04	2,8	0	0%

K7B_LT_QLDD_CQ

1	17B850103001	Lê Ngọc Anh	K7B_LT_QLDD_CQ	132	6,75	2,63	0	0%
---	--------------	-------------	----------------	-----	------	------	---	----

2	17B850103004	Bùi Thanh Duy	K7B_LT_QLDD_CQ	128	7,06	2,83	0	0%
3	17B850103012	Nguyễn Huỳnh Thanh Lan	K7B_LT_QLDD_CQ	130	70,4	2,83	0	0%
4	17B850103031	Võ Nhật Tiến	K7B_LT_QLDD_CQ	129	6,85	2,71	0	0%

Khóa cũ đủ điều kiện

1	155440301025	Lê Tấn Linh	K60_KHMT	131	6,11	2,18	0	0%
2	155440301050	Hoàng Đặng Bá Tùng	K60_KHMT	131	6,27	2,27	0	0%
3	155440301028	Võ Hoàng Bảo My	K60_KHMT	131	6,51	2,43	0	0%
4	145340301011	Phạm Thế Hoài	K59_KT	119	6,56	2,57	0	0%

tb





DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
LỚP K8B_LTTC_KHMT_CQ, K8B_LTTC_QLTNR_CQ; K7B_LTTC_QLĐĐ_CQ VÀ SINH VIÊN LỚP GHEP

(Kèm theo Thông báo số: 262 /TB-PHDHLN-ĐT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Phân hiệu trường đại học Lâm nghiệp)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Số TC nợ	% TC nợ
K8B_LT_KHMT_CQ								
1	17B440301003	Vũ Thị Bảo Huyền	K8B_LT_KHMT_CQ	123	7,64	3,17	0	0%
2	17B440301005	Phan Phong	K8B_LT_KHMT_CQ	117	6,44	2,39	2	1.4%
3	17B440301006	Huỳnh Hữu Tài	K8B_LT_KHMT_CQ	117	5,87	2,01	6	4.3%
K8B_LT_QLTNR_CQ								
1	17B620211102	Trần Văn Bảo	K8B_LT_QLTNR_CQ	99	6,91	2,71	0	0%
2	17B620211109	Nguyễn Tiên Dũng	K8B_LT_QLTNR_CQ	127	6,44	2,39	3	2.2%
3	17B620211113	Trần Thị Thu Hà	K8B_LT_QLTNR_CQ	107	7,19	2,89	0	0%
4	17B620211114	Mỵ Duy Hải	K8B_LT_QLTNR_CQ	99	7,31	2,96	0	0%
5	17B620211117	Lê Thái Hòa	K8B_LT_QLTNR_CQ	127	6,74	2,61	3	2.2%
9	17B620211123	Trần Văn Lam	K8B_LT_QLTNR_CQ	110	7,41	3,03	0	0%



10	17B620211126	Nguyễn Sỹ Mạnh	K8B_LT_QLTNR_CQ	110	6,85	2,66	0	0%
11	17B620211133	Dương Văn Sự	K8B_LT_QLTNR_CQ	113	7,58	3,15	0	0%
12	17B620211136	Vũ Trọng Thi	K8B_LT_QLTNR_CQ	103	6,9	2,74	0	0%
13	17B620211137	Lê Văn Thiện	K8B_LT_QLTNR_CQ	112	7,55	3,17	0	0%
14	17B620211138	Lê Văn Thọ	K8B_LT_QLTNR_CQ	103	6,96	2,78	0	0%
15	17B620211144	Nguyễn Văn Tuyên	K8B_LT_QLTNR_CQ	110	7,5	3,05	0	0%

K7B_LT_QLDD_CQ

1	17B850103002	Nguyễn Cảnh Chương	K7B_LT_QLDD_CQ	104	6,14	2,17	2	1.4%
2	17B850103005	Trần Văn Giáp	K7B_LT_QLDD_CQ	57	5,79	2	9	6.4%
3	17B850103006	Nguyễn Việt Hà	K7B_LT_QLDD_CQ	65	6	2,39	13	9.3%
4	17B850103007	Bạch Xuân Hoài	K7B_LT_QLDD_CQ	121	7,06	2,84	2	1.4%
5	17B850103008	Lê Văn Hùng	K7B_LT_QLDD_CQ	78	5,44	1,93	17	12.1%
6	17B850103009	Nguyễn Văn Huy	K7B_LT_QLDD_CQ	0	2	0	6	4.3%
7	17B850103015	Dương Thị Loan	K7B_LT_QLDD_CQ	125	6,46	2,44	0	0%
8	17B850103017	Nguyễn Hải Minh	K7B_LT_QLDD_CQ	78	6,99	2,73	3	2.1%
9	17B850103016	Phạm Quang Minh	K7B_LT_QLDD_CQ	117	6,49	2,44	5	3.6%

10	17B850103018	Trần Thị Nhi	K7B_LT_QLDD_CQ	102	6,73	2,57	2	1.4%
11	17B850103019	Nguyễn Thị Yến Oanh	K7B_LT_QLDD_CQ	113	6,51	2,44	3	2.1%
12	17B850103021	Đinh Thị Phương	K7B_LT_QLDD_CQ	107	6,29	2,34	2	1.4%
13	17B850103022	Trần Văn Quang	K7B_LT_QLDD_CQ	62	6,1	2,15	0	0%
14	17B850103023	Mai Giang Sơn	K7B_LT_QLDD_CQ	108	5,99	2,1	6	4.3%
15	15B850103358	Võ Hồng Sơn	K7B_LT_QLDD_CQ	115	5,75	2,05	9	6.4%
16	17B850103024	Lê Tất Tài	K7B_LT_QLDD_CQ	114	6,29	2,33	0	0%
17	17B850103027	Cao Trần Thị Bích Thảo	K7B_LT_QLDD_CQ	58	7,08	2,85	0	0%
18	17B850103028	Lưu Thị Thi	K7B_LT_QLDD_CQ	75	5	1,55	18	12.9%
19	17B850103029	Đinh Sỹ Thiết	K7B_LT_QLDD_CQ	75	5,54	1,89	8	5.7%
20	17B850103030	Nguyễn Thị Thương	K7B_LT_QLDD_CQ	3	0,83	0,09	29	20.7%
21	17B850103032	Nguyễn Văn Trụ	K7B_LT_QLDD_CQ	27	4,32	1,49	29	20.7%
22	17B850103034	Nguyễn Đình Trung	K7B_LT_QLDD_CQ	113	5,95	2,13	6	4.3%
23	17B850103033	Vũ Xuân Trung	K7B_LT_QLDD_CQ	97	5,87	2,09	7	5%
24	17B850103035	Nguyễn Văn Trường	K7B_LT_QLDD_CQ	64	5,6	1,9	8	5.7%
25	17B850103036	Phạm Thanh Tùng	K7B_LT_QLDD_CQ	6	3,71	1,18	8	5.7%



tk